

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HS-ST

Ngày 28/01/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bá Thành và bà Vũ Thị Lan Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28/01/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 109/2020/TLST - HS, ngày 28/12/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST - HS, ngày 11 tháng 01 năm 2021, đối với bị cáo:

- **Lê Đình M**, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Thôn H, thị trấn N, huyện N, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Đình B và con bà Bùi Thị H; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/5/2020 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 43 phút ngày 12/5/2020, tại đoạn đường gần khu vực nhà Văn hóa thôn X, xã T, huyện T, tỉnh B, tổ công tác của Công an huyện T làm nhiệm vụ tuần tra đã phát hiện có 02 đối tượng có biểu hiện nghi vấn vi phạm pháp luật. Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra thì 01 đối tượng bỏ chạy thoát, còn 01 đối tượng tự khai là Lê Đình M. Quá trình kiểm tra phát hiện và thu giữ: 01 gói nhỏ bọc ngoài bằng mảnh nilon màu xanh bên trong có 01 túi nilon màu xanh có viền kẻ đỏ, bên trong túi nilon này có chứa 74 (bảy mươi tư) viên nén hình tròn màu hồng, trên mặt mỗi viên nén đều có chữ “WY” và 01 viên nén hình tròn màu xanh, trên mặt có chữ “WY” tại túi quần phía trước bên trái M đang mặc. M khai nhận: Các viên nén trên là ma túy ngạ của M, M đang định bán cho T ở thôn T, xã T, huyện T, tỉnh B (M không biết rõ họ và tên đệm, năm sinh của T) thì bị tổ công tác phát hiện và bắt quả

tang, lợi dụng sơ hở T đã chạy thoát. Ngoài ra, tổ công tác còn thu giữ: 01 điện thoại Oppo màu đỏ, bên trong lắp sim số 0973.613.253, đã qua sử dụng của M. M khai nhận, M sử dụng điện thoại trên để liên lạc với T mua bán trái phép chất ma túy. Sau đó, tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, rồi đưa M cùng vật chứng về bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện T để giải quyết theo thẩm quyền.

Cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp số 16, đồng thời tiến hành khám xét chỗ ở của M tại phòng trọ của xưởng sản xuất que kem ở thôn P, xã Đ, huyện T do ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960; trú tại: Thôn V, xã T huyện T làm chủ. Quá trình khám xét không phát hiện và thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra đã làm rõ nội dung như sau: M cùng với Quách Văn M, sinh năm 1996, Lê Đình Đ, sinh năm 1992 (đều là anh em họ, cùng quê với M) làm công nhân thuê tại xưởng sản xuất que kem ở thôn P, xã Đ, huyện T do ông Nguyễn Văn Đ làm chủ. M, Văn M và Đ cùng với một số công nhân khác được ông Đ bố trí chỗ ăn, ở tại xưởng sản xuất và giao quản lý, trông coi xưởng vào buổi tối khi ông Đ về nhà. Khoảng 07 giờ ngày 10/5/2020, M đang làm việc tại xưởng thì T (là bạn bè quen biết xã hội) gọi điện thoại bằng số 0845.321.999 đến điện thoại Oppo lắp sim số 0973.613.253 (sim rác) của M với nội dung “Mày xem giá mua ma túy ngựa ở quê mày có rẻ hơn ngoài này thì mua hộ tao 100 viên”. M bảo với T để M hỏi giá rồi thông báo lại cho T sau. Do trước đó M đã mua ma túy ngựa ở địa bàn huyện T với giá 100.000 đồng/01 viên và đã hỏi, biết được giá mua ma túy ngựa ở quê của M rẻ hơn ở T nên M đã thông báo cho T biết giá 01 viên ma túy ngựa là 35.000 đồng. Nghe vậy, T đồng ý và bảo M mua hộ Tuấn 100 viên ma túy ngựa. M đồng ý. Sau đó, M nói với Văn M và Đ về việc M muốn xin nghỉ làm về thăm gia đình một vài hôm và bảo Văn M, Đ có gửi tiền về cho gia đình thì gửi M sẽ mang về giúp. Cả hai đồng ý. Sau đó, Đ nhờ Văn M đến nhà ông Đ ứng trước hộ Đ 500.000 đồng tiền công. Một lúc sau, M và Văn M gặp ông Đ xin cho M nghỉ và xin ứng tiền công của ba người. Ông Đ đồng ý và bảo M và Văn M đến nhà ông gặp vợ của ông để ứng tiền. Trước khi đến nhà ông Đ, M đã hỏi mượn được 01 túi xách màu xanh của Đ để đựng quần áo và mang theo số tiền làm thuê đã tiết kiệm được là 2.800.000 đồng cất ở túi quần phía trước bên phải rồi bảo Văn M chở đến nhà ông Đ. Khi đến nhà ông Đ, M và Văn M gặp bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961 (vợ của ông Đ), bà T đã cho M ứng số tiền 1.000.000 đồng, Văn M ứng số tiền 3.000.000 đồng và ứng hộ Đ số tiền 500.000 đồng. Sau khi ứng được tiền, Văn M đưa cho M số tiền 3.500.000 đồng để nhờ M gửi về gia đình của Văn M và Đ. M cầm số tiền trên rồi cất vào túi quần phía sau bên phải đang mặc, còn số tiền 1.000.000 đồng vừa ứng được của bà T, M cất vào túi quần phía trước bên phải cùng với số tiền 2.800.000 đồng trước đó. Sau đó, Văn M chở M đến khu vực ngã tư cầu D thuộc xã T, huyện T, tỉnh B để đi xe buýt. Khi đang đi xe buýt, M gọi điện thoại cho anh Lê Đình M, sinh năm 1994 (M sinh năm 1994) ở cùng thôn và nói M đang trên đường

về quê và hẹn gặp nhau uống nước ở gần xưởng cơ khí ở thôn B, xã M, thị trấn N, tỉnh T nơi anh M sinh năm 1994 đang làm thuê. Khoảng 15 giờ cùng ngày, M xuống xe ở thị trấn N thì phát hiện số tiền 3.500.000 đồng đã bị mất. M không thông báo việc mất tiền cho nhà xe và không trình báo với chính quyền địa phương. Sau đó, Minh đến quán nước cạnh xưởng cơ khí ở thôn Bgấp và uống nước cùng anh M sinh năm 1994. Cả hai ngồi uống nước, nói chuyện khoảng 15 phút thì anh M sinh năm 1994 đi về xưởng làm việc, còn M đến quán cơm để ăn cơm. Khoảng 17 giờ cùng ngày, M gọi điện cho anh M sinh năm 1994 hỏi vay số tiền 800.000 đồng thì anh M sinh năm 1994 nói chỉ còn 700.000 đồng. M đồng ý và quay lại xưởng lấy tiền. Sau đó, M đã thuê nhà nghỉ để nghỉ đến sáng ngày 11/5/2020, M thuê xe taxi đi từ nhà nghỉ đến khu vực cầu N thuộc Khu phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh T để mua ma túy (do trước đó M đã có lần mua ma túy ở đó). Khi đến nơi, M xuống xe rồi đi vào một quán nước mua một gói thuốc Lào và bỏ vào túi xách đựng quần áo, rồi tiếp tục đi bộ vào một ngách nhỏ cách cầu N khoảng 50m thì gặp một người đàn ông dáng người cao, có đeo khẩu trang, đầu đội mũ bảo hiểm, đang ngồi trên xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen, Minh không nhìn rõ được biển số xe. M lại gần và hỏi “Anh có ma túy bán không”, người đàn ông này trả lời “Có” và hỏi M mua bao nhiêu. M trả lời “Anh để cho em 75 viên ngựa”. Người đàn ông này đồng ý và nói hết 2.800.000 đồng. M lấy 2.800.000 đồng đưa cho người đàn ông này. Người đàn ông này cầm tiền rồi đưa cho M 01 túi nilon màu xanh có viền kẻ màu đỏ bên trong có chứa các viên nén hình tròn (M không đếm số lượng). M cầm túi nilon trên cho vào túi thuốc Lào rồi cất vào túi xách đựng quần áo và đi bộ ra đường thuê xe đi về xưởng sản xuất que kem của ông Đ. Còn người đàn ông này điều khiển xe đi đâu thì M không biết. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, M về đến xưởng của ông Đ, M xách túi xách đựng quần áo vào phòng trọ rồi lấy 01 túi nilon chứa ma túy ngựa để ra ngoài. Sau đó, M lấy 01 túi nilon màu xanh xé ra một mảnh bọc túi nilon chứa ma túy trên rồi cất giấu ở đồng củi trước cửa xưởng. Khi cất ma túy xong, M đi vào bếp thì gặp Văn M và Đ. Tại đây, M nói với Văn M và Đ về việc M đã làm mất số tiền 3.500.000 đồng nên M chưa gửi tiền về cho gia đình của Văn M và Đ được và M hứa sẽ có trách nhiệm trả cho Văn M và Đ sau. Cả hai đồng ý. Đến khoảng 19 giờ ngày 12/5/2020, sau khi ăn tối xong, M ra đồng củi lấy số ma túy đã cất giấu ở đó mang vào xưởng kiểm tra thì thấy bên trong có 80 viên ma túy ngựa, trên mặt mỗi viên đều có chữ WY (gồm có 79 viên ma túy ngựa màu hồng và 01 viên ma túy ngựa màu xanh). Thấy vậy, M lấy ra 05 viên ma túy ngựa màu hồng ra, số viên ma túy còn lại M cho vào túi nilon màu xanh có viền kẻ màu đỏ rồi bọc mảnh nilon màu xanh và đem cất giấu ở góc xưởng. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày M bỏ một viên ma túy ngựa trong số 05 viên ma túy ngựa đã lấy ra trước đó cùng 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 chai nhựa bên trong có nước, tại nắp chai nước có 01 đoạn ống hút nhựa màu trắng được cắm xuống nước bên trong chai và có 01 ống lửa nhỏ bằng bút bi được nối với ống hút nhựa này; 01 tờ giấy bạc và 01 bật lửa. Sau đó, M gọi Văn M và Đ đang làm việc trong xưởng ra

đề cùng sử dụng ma túy cùng với M. Trước khi sử dụng, M để 01 viên ma túy ngựa lên giấy bạc rồi dùng bật lửa châm phía dưới giấy bạc đến khi viên ma túy chảy ra và bốc khói thì Văn M, Đ và M thay nhau sử dụng. Văn M và Đ sử dụng được khoảng 03 khối (03 lần) thì đi làm việc tiếp, còn M cất bộ dụng cụ sử dụng ma túy vào góc xưởng rồi đi làm việc. Khi M đang làm thì T gọi điện từ số điện thoại 0845.321.999 đến điện thoại Oppo lắp sim số 0973.613.253 của M hỏi M đang ở đâu, M bảo đang ở xưởng làm việc. Một lúc sau, T điều khiển xe mô tô Dream, M không nhìn rõ biển số xe đến xưởng gặp M. Tại đây, M bỏ ra 04 viên ma túy ngựa thì T xin của M 02 viên. M đồng ý. Còn 02 viên ma túy còn lại, M lấy 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy trước đó rồi cùng T, Văn M và Đ sử dụng hết. Sau đó, M vút bộ dụng cụ sử dụng ma túy trên vào lò đốt. Lúc này, T hỏi M về số ma túy đã nhờ M mua hộ, M nói với T chỉ mua được 75 viên ma túy ngựa nếu T mua thì M bán lại với giá 5.000.000 đồng. T đồng ý và bảo M đi cùng T đến trước cổng nhà Văn hóa thôn X, xã T, huyện T, tỉnh B để giao dịch và đợi bạn của T mang tiền đến trả cho M. M đồng ý và đi ra góc xưởng lấy 01 túi nilon màu xanh có viền kẻ màu đỏ được bọc ngoài bằng mảnh nilon màu xanh bên trong có chứa ma túy (gồm 74 viên nén hình tròn màu hồng và 01 viên nén hình tròn màu xanh, trên mặt mỗi viên có chữ WY) rồi cất vào túi quần phía trước bên trái đang mặc. Sau đó, T điều khiển xe mô tô Dream chở M đến trước cổng nhà văn hóa thôn X. Tại đây, T bảo M xuống xe để đợi bạn của T mang tiền đến, còn T vẫn ngồi trên xe đợi. Khi M và T đang đợi bạn của T thì bị tổ công tác của Công an huyện T kiểm tra, lợi dụng sơ hở T đã bỏ chạy thoát. Tổ công tác đã tiến hành truy bắt nhưng không truy bắt được. Sau đó, tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với M, thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Ngày 13/5/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu giám định số 73/QĐTCGD trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B giám định mẫu vật được niêm phong trong phong bì thư có phải là chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy không?

Tại bản Kết luận giám định số 349/KLGĐMT-PC09 ngày 15/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Ninh kết luận: 74 viên nén hình tròn màu hồng và 01 viên nén hình tròn màu xanh, trên mỗi mặt viên đều có chữ WY có khối lượng là 7,2712 gam, là ma túy, loại ma túy Methamphetamine.

Methamphetamine là chất ma túy được quy định tại Nghị định 73/2018/NĐ-CP, ngày 15/5/2018 của Chính Phủ ban hành các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Tại bản cáo trạng số: 02/CT - VKSTT, ngày 28/12/2020 của VKSND huyện T đã truy tố bị cáo Lê Đình M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên toà đã phân tích động cơ, mục đích, nhân thân, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên nội dung như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Lê Đình M phạm tội “Mua bán

trái phép chất ma túy”; Áp dụng điểm i khoản 2 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Lê Đình M từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2020 là ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

Phạt bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Đề nghị HĐXX tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B. Bên ngoài phong bì thư có ghi “Mẫu vật còn lại sau giám định kèm theo kết luận giám định số: 349/KLGĐMT ghi ngày 15/5/2020 của Phòng PC09”; tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại Oppo màu đỏ, lắp sim số 0973.613.253.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với bản luận tội của VKS và không có ý kiến gì.

Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy:

1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Đình M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Hồi 21 giờ 43 phút ngày 12/5/2020, tại khu vực nhà Văn hóa thôn X, xã T, huyện T, tỉnh B tổ công tác Công an huyện T trong lúc làm nhiệm vụ tuần tra đã phát hiện bắt quả tang Lê Đình M đang có hành vi tàng trữ trái phép 7,2712 gam, là ma túy, loại ma túy Methamphetamine tại túi quần phía trước bên trái M đang mặc, mục đích để đem bán cho một người thanh niên tên T, sinh năm 1999 ở thôn T, xã T, huyện T, tỉnh B (M không biết rõ họ và tên đệm của T) với giá 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) nhưng chưa kịp bán thì bị kiểm tra, bắt giữ, lợi dụng sơ hở T đã chạy thoát. Do vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, đúng như tội danh và điều luật mà VKSND huyện T đã truy tố.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại tới chính sách độc quyền quản lý Nhà nước về chất ma túy. Hành vi của bị cáo làm mất trị an ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân và bị quần chúng nhân dân

lên án. Chính vì vậy, đối với bị cáo cần xét xử nghiêm bằng chế tài hình sự mới có tác dụng phòng ngừa chung và giáo dục riêng bị cáo.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo thì thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo nhận thức đầy đủ hành vi trái pháp luật, nhưng chỉ vì lòng tham muốn có tiền mà bị cáo đã lao vào con đường phạm tội. Xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên bị cáo lần đầu phạm tội, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; xét đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, khi lượng hình cần được xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền là 5.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Đối với người thanh niên tên T, sinh năm 1999, ở thôn T xã T, huyện T tỉnh B chở M đến khu vực nhà Văn hóa thôn X, xã T, huyện T để giao dịch mua ma túy của Minh vào ngày 12/5/2020. Quá trình xác minh xác định: Trên địa bàn xã T không có đối tượng nào tên Tuấn có đặc điểm, năm sinh như Minh đã khai. Ngày 24/8/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ra Lệnh thu giữ thư tín, điện tín số 19 đề nghị Tổng công ty hạ tầng mạng - VNPT Net cung cấp tên, địa chỉ chủ sở hữu của số thuê bao 0845.321.999. Tại Công văn phúc đáp số: 2429 ngày 18/9/2020 của Tổng công ty hạ tầng mạng - VNPT Net cung cấp: Chủ thuê bao số 0845.321.999 là Phạm Minh T, sinh ngày 12/3/1998, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh B. Quá trình xác minh tại UBND xã T xác định: Tuấn là công dân ở địa phương. Hiện nay T đi đâu, làm gì địa phương không nắm được. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã tiến hành cho bị cáo M nhận dạng qua ảnh của Phạm Minh T. Tuy nhiên, M khẳng định người trong ảnh nhận dạng không phải là người tên T đã hỏi mua ma túy của M. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện T không có căn cứ để xác minh làm rõ và khi nào xác minh làm rõ sẽ xem xét xử lý sau là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho M tại cầu N thuộc khu phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh T. Quá trình điều tra xác định, do M không biết họ tên, năm sinh, đặc điểm và địa chỉ cụ thể của người đàn ông này nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T không có đủ cơ sở để xác minh làm rõ là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với ông Nguyễn Văn Đ là chủ xưởng sản xuất que kem. Quá trình điều tra xác định, ông Đ không biết việc Minh tổ chức cho Văn M, Đ và người thanh niên tên T sử dụng trái phép chất ma túy và không biết được việc M cất giấu ma túy tại xưởng của ông. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Thành không xem xét xử lý đối với ông Đ là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với việc M tổ chức cho Quách Văn M, Lê Đình Đ và người thanh niên tên T sử dụng trái phép chất ma túy tại xưởng sản xuất que kem của ông Đ. Quá trình điều tra xác định: Sau khi sử dụng hết ma túy, M đã đem đốt bộ dụng cụ sử dụng

ma túy nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T không thu hồi được ma túy và bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện T không có căn cứ để xem xét xử lý đối với M về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Ngày 30/11/2020, Công an huyện Thuận Thành đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với M, Quách Văn M và Lê Đình Đ bằng hình thức cảnh cáo về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 167 ngày 12/11/2013 của Chính phủ là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô Dream mà T điều khiển đến tìm gặp M tại xưởng của ông Đ để giao dịch mua bán ma túy; xét thấy: Do M không biết rõ được đặc điểm cụ thể và biển số xe mô tô trên nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T không có căn cứ để xác minh làm rõ và khi nào xác minh làm rõ sẽ xem xét xử lý sau là phù hợp quy định pháp luật.

Đối số tiền 3.000.000 đồng của anh Văn M, 500.000 đồng của anh Đ và số tiền bị cáo vay 700.000 đồng của anh M sinh năm 1994 bị cáo đã làm mất. Quá trình điều tra anh Văn M, anh Đ và anh M sinh năm 1994 đều không yêu cầu bị cáo phải trả số tiền trên. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện T không đề cập giải quyết là phù hợp quy định pháp luật.

[3]. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Đối với 01 phong bì thư có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B. Bên ngoài phong bì thư có ghi “Mẫu vật còn lại sau giám định kèm theo kết luận giám định số: 349/KLGĐMT-PC09 ngày 15/5/2020”. Xét thấy, đây là vật mà Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu huỷ. Đối với 01 điện thoại Oppo màu đỏ, lắp sim số 0973.613.253 thu được của Minh. Xét thấy, đây là chiếc điện thoại mà bị cáo đã sử dụng để liên lạc mua bán ma túy nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Toàn bộ vật chứng trên hiện đang do Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T quản lý (theo biên bản giao, nhận vật chứng tài sản giữa Cơ quan điều tra Công an huyện T với Chi cục Thi hành án dân sự huyện T 11/01/2021).

[4]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Đình M phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm i khoản 2 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Đình M 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù và phạt 5.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước. Thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2020 là ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

Áp dụng Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B. Bên ngoài phong bì thư có ghi “Mẫu vật còn lại sau giám định kèm theo kết luận giám định số: 349/KLGĐMT ghi ngày 15/5/2020 của Phòng PC09”; tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại Oppo màu đỏ, lắp sim số 0973.613.253. Toàn bộ vật chứng trên hiện đang do Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thuận Thành quản lý (theo biên bản giao, nhận vật chứng tài sản giữa Cơ quan điều tra Công an huyện T với Chi cục Thi hành án dân sự huyện T ngày 11/01/2021).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Lê Đình M phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Lê Bá Thành

Vũ Thị Lan Anh

Phạm Xuân Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Thuận Thành.
- THADS huyện Thuận Thành (án có hiệu lực pháp luật).
- Bị cáo.
- UBND xã nơi bị cáo cư trú.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Xuân Hà

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN THÀNH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 01 năm 2021;

Tại: Trụ sở TAND huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bá Thành và bà Vũ Thị Lan Anh.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 109/2020/TLST-HS, ngày 28 tháng 12 năm 2020 đối với:

Bị cáo Lê Đình Minh, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Thôn Hưng Sơn, thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

*Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh
tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC
VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Tuyên bố bị cáo Lê Đình Minh phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.
Biểu quyết nhất trí: 3/3.

2. Căn cứ vào điểm i khoản 2 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51;
Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Đình Minh 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù và phạt
5.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước. Thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2020 là
ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

Áp dụng Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tạm giam bị cáo 45 ngày, kể
từ ngày tuyên án.

Biểu quyết nhất trí: 3/3.

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106
của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư có dấu niêm phong
của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Ninh. Bên ngoài phong bì thư có
ghi “Mẫu vật còn lại sau giám định kèm theo kết luận giám định số: 349/KLGĐMT
ghi ngày 15/5/2020 của Phòng PC09”; tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện
thoại Oppo màu đỏ, lắp sim số 0973.613.253. Toàn bộ vật chứng trên hiện đang do
Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thuận Thành quản lý (theo biên bản giao, nhận
vật chứng tài sản giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Thành với Chi cục
Thi hành án dân sự huyện Thuận Thành ngày 11/01/2021). Biểu quyết nhất trí: 3/3.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị
quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội
về án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Lê Đình Minh phải chịu 200.000đ án phí
HSST. Biểu quyết nhất trí: 3/3.

5. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ
ngày tuyên án sơ thẩm. Biểu quyết nhất trí: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 15 phút, ngày 28 tháng 01 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử
cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Bá Thành

Vũ Thị Lan Anh

Phạm Xuân Hà